

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠNH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 312/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 10-7-2019  
V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Thanh Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Chót
2. Ông Dương Văn Hai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa:**

Ông Phan Văn Y - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1118/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Hoàng D, sinh năm 1993. Có mặt.

Địa chỉ: 112/4 ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: 67/4 ấp TH, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Lê Hoàng D trình bày:*

*Về hôn nhân:* Anh và chị Lê Thị Cẩm H kết hôn tự nguyện vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/7/2013. Sau khi kết hôn anh và chị H về sinh sống với gia đình anh, thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị H bỏ nhà đi làm khoảng hơn một năm nay. Trong thời gian đó anh đã cố gắng liên lạc với chị H để vợ chồng có thể hàn gắn tình cảm nhưng chị H không đồng ý. Do hôn nhân không hạnh phúc, anh và chị H không thể tiếp tục sống chung nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H. Khi ly hôn anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho anh.

*Về nuôi con chung:* anh và chị H có hai con chung là Lê Hoàng Nhật D, sinh ngày 10/7/2013 và Lê Thị Bảo T, sinh ngày 14/02/2015, con chung đang sống chung với anh được anh chăm sóc tốt, các cháu đều được đi học. Hiện nay anh đang làm cơ khí và nuôi tôm công nghiệp tại địa phương; anh sống chung với cha mẹ nên có cha mẹ phụ giúp trong việc trông con. Mặc dù chị H có nguyện vọng được nuôi con nhưng trong thời gian qua chị H không về thăm con, Tòa án mời hòa giải, xét xử chị H cũng không về. Vì vậy, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

*Về chia tài sản:* anh và chị H không có tài sản chung, nợ chung nên anh không yêu cầu giải quyết.

*Theo bản tự khai ngày 29-3-2019 và biên bản hòa giải ngày 09-4-2019 bị đơn Lê Thị Cẩm H trình bày:*

Chị thừa nhận lời trình bày của anh D về hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung cũng như việc vợ chồng sống chung không hạnh phúc là đúng.

Do hôn nhân không hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D. Khi ly hôn chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho chị.

Về nuôi con chung: anh D đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Lê Thị Bảo T, sinh ngày 14/02/2015 và Lê Hoàng Nhật D, sinh ngày 10/7/2013 nhưng khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con. Trong thời gian anh D nuôi con chị và gia đình chị đến thăm con mặc dù gia đình anh D không ngăn cản nhưng có những lời nói khiến các con chị không dám đến chơi với chị. Hiện nay chị đang đi làm công ty trên thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng. Nếu giao con cho chị nuôi dưỡng thì chị về quê ở TH, gia đình chị cho mở quán buôn bán để tạo điều kiện nuôi con. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

*Về chia tài sản:* chị và anh D không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Lê Thị Cẩm H đã được Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị H đến tham gia hòa giải nhưng sau khi cho lời trình bày được Tòa án ghi nhận vào biên bản hòa giải và đọc lại cho chị H nghe thì chị H không ký tên vào biên bản hòa giải mà bỏ về. Sau đó Tòa án tiếp tục tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H vắng mặt.

***Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

*Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn Lê Hoàng D thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Thị Cẩm H chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung:

*Về hôn nhân:* Hôn nhân của anh D và chị H là hôn nhân hợp pháp. Anh D có yêu cầu ly hôn với chị H do hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm, cả anh D và chị H đều không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và thống nhất ly hôn nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D, cho anh D ly hôn với chị H. Do anh D, chị H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét.

*Về nuôi con chung:* anh D và chị H có hai con chung là Lê Thị Bảo T, sinh ngày 14/02/2015 và Lê Hoàng Nhật D, sinh ngày 10/7/2013 đang sống chung với anh D, được anh D chăm sóc tốt, anh D có đủ điều kiện nuôi con nên giao con chung cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

*Về chia tài sản:* anh D và chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Hoàng D thì đây là tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Lê Thị Cẩm H có nơi cư trú tại 67/4 ấp TH, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[3] *Về tố tụng:* Bị đơn Lê Thị Cẩm H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt đối với chị Lê Thị Cẩm H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân:* anh D và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/7/2013 nên hôn nhân của anh D và chị H là hôn nhân hợp pháp. Anh D có yêu cầu ly hôn với chị H do hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm, anh D và chị H đều không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và thống nhất ly hôn. Từ đó có căn cứ kết luận tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D có yêu cầu ly hôn với chị H là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D, cho anh D ly hôn với chị H. Do anh D và chị H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét.

[5] *Về nuôi con chung*: anh D và chị H có hai con chung là Lê Thị Bảo T, sinh ngày 14/02/2015 và Lê Hoàng Nhật D, sinh ngày 10/7/2013 đang sống chung với anh D. Anh D và chị H đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung đang sống chung với anh D được chăm sóc tốt, anh D có đủ điều kiện để nuôi con nên giao con chung cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Anh D, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] *Về chia tài sản*: anh D và chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] *Về án phí*: anh D phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Hoàng D, cho anh Lê Hoàng D ly hôn với chị Lê Thị Cẩm H. Anh D và chị H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

2. *Về nuôi con chung*: anh D được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Lê Thị Bảo T, sinh ngày 14/02/2015 và Lê Hoàng Nhật D, sinh ngày 10/7/2013. Chị H không cấp dưỡng nuôi con chung do anh D không yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Anh D và chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản*: Anh D và chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. *Về án phí*: Anh D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh D đã nộp theo Biên lai số 0001629 ngày 19-3-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Cao Thanh Minh**